

# Thúc đẩy doanh nghiệp ngoài nhà nước phát triển: Thực trạng và giải pháp

NGUYỄN THỊ HUỆ\*  
VŨ THỊ HƯỜNG\*\*

## Tóm tắt

Hiện nay, doanh nghiệp (DN) ngoài nhà nước chiếm số lượng lớn nhất trong 03 loại hình DN và có đóng góp quan trọng vào ngân sách nhà nước. Theo Bộ chỉ tiêu chủ yếu đánh giá mức độ phát triển DN cả nước và các địa phương năm 2017 và giai đoạn 2010-2017 (Tổng cục Thống kê, 2018), tại thời điểm 31/12/2017, khu vực DN ngoài nhà nước có 541.753 DN, chiếm 96,66% tổng số DN. Đồng thời, loại hình DN này cũng đóng góp vào ngân sách nhà nước nhiều nhất với 407.600 tỷ đồng (đóng góp của khu vực DN năm 2017 đạt 954.100 tỷ đồng). Chính vì vậy, thúc đẩy khối DN này phát triển có ý nghĩa quan trọng trong bất cứ giai đoạn nào của nền kinh tế. Nghiên cứu này nhằm đánh giá hiện trạng của DN ngoài nhà nước, qua đó đưa ra một số giải pháp giúp thúc đẩy khối DN này phát triển.

**Từ khóa:** doanh nghiệp ngoài nhà nước, phát triển, Việt Nam, môi trường kinh doanh

## Summary

Currently, non-state enterprises account for the largest number among three types of businesses and make an important contribution to the state budget. According to Set of main indicators for assessing the level of business development throughout the country and localities in 2017 and over the period 2010-2017 by the General Statistics Office, as of December 31<sup>st</sup>, 2017, there are 541,753 non-state enterprises, registering 96.66% of total enterprises. At the same time, this type of enterprise makes the great contribution to the state budget with 407,600 billion dong (the contribution of the whole enterprise sector in 2017 is 954,100 billion dong). Therefore, boosting these enterprises is of importance in any stages of economic growth. This study aims to evaluate the situation of non-state enterprises and then provide some solutions to promote them.

**Keywords:** non-state enterprises, development, Vietnam, business environment

## GIỚI THIỆU

Hiện nay, khu vực DN đóng góp lớn nhất vào quy mô phát triển của nền kinh tế, chiếm trên 60% trong GDP của toàn bộ nền kinh tế. Trong những năm qua, dưới sự chỉ đạo sát sao và hiệu quả của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, khu vực DN nước ta đã phát triển nhanh chóng. Bình quân giai đoạn 2010-2017, số DN thực tế hoạt động tăng 10,5%/năm, số lao động thực thu hút làm việc trong khu vực DN tăng 5,9%/năm, vốn sản xuất, kinh doanh tăng 15,4%/năm, doanh thu tăng 15,6%/năm, lợi nhuận tăng 13,7%/năm và đóng góp cho ngân sách nhà nước tăng 12,4%/năm (Tổng cục Thống kê, 2018).

Trong đó, không thể không kể tới đóng góp lớn của khối DN ngoài nhà nước, bởi đây là lực lượng tuy có quy mô nhỏ, nhưng lại chiếm số lượng lớn DN trong tổng số DN cả nước. Ngoài ra, khối DN này còn có đóng góp lớn nhất vào ngân sách nhà nước và thu hút, tạo việc làm cho nhiều lao động nhất. Tuy nhiên, hiện nay, khối DN này đang gặp nhiều khó khăn, rào cản và cần có sự hỗ trợ từ phía Nhà nước để thúc đẩy phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong giai đoạn tới.

## THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN

### Kết quả đạt được

Thứ nhất, DN ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng chủ yếu về số lượng.

Tại thời điểm 31/12/2017, khu vực DN ngoài nhà nước có 541.753 DN, chiếm 96,66% tổng số DN đang

\* \*\*, Khoa Kinh tế - Trường Đại học Sao Đỏ

Ngày nhận bài: 30/12/2019; Ngày phản biên: 03/01/2020; Ngày duyệt đăng: 08/01/2020

hoạt động (Tổng cục Thống kê, 2018). Một kết quả quan trọng dễ nhìn thấy là sự tăng lên nhanh chóng của số lượng DN đang hoạt động. Trong khi số lượng DN nhà nước (DNNN) giảm, thì số lượng DN ngoài nhà nước và DN có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tăng mạnh. Đây là kết quả tích cực của công cuộc đổi mới, mở cửa hội nhập, thu hút nguồn lực của các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài, góp phần vào tăng trưởng kinh tế liên tục, trong thời gian dài, ngay cả khi kinh tế khu vực hoặc thế giới bị khủng hoảng, suy thoái.

*Thứ hai, đóng góp lớn nhất vào ngân sách so với các loại hình DN khác (DNNN và DN FDI).*

Tại thời điểm 31/12/2017, đóng góp vào ngân sách nhà nước của khu vực DN năm 2017 đạt 954.100 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2016. Đáng chú ý, DN ngoài nhà nước đóng góp nhiều nhất cho ngân sách nhà nước với 407.600 tỷ đồng (chiếm tới 42,7% tổng ngân sách nhà nước mà DN đóng góp), tăng 22% so với năm 2016; trong khi đó, khu vực DNNN đóng góp 280.500 tỷ đồng; khu vực FDI chỉ đóng góp 265.000 tỷ đồng (Tổng cục Thống kê, 2018).

*Thứ ba, thu hút vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh cao nhất trong các loại hình DN.*

Khu vực ngoài nhà nước thu hút tới 17,5 triệu tỷ đồng, chiếm 53% vốn của toàn bộ khu vực DN, tăng 16,5% so với năm 2016. Khu vực DNNN mặc dù đang giảm về số lượng nhưng các DNNN có quy mô lớn nên vốn thu hút vẫn còn lớn với 9,5 triệu tỷ đồng, chiếm 22%. Khu vực FDI tuy số lượng DN ít, nhưng hầu hết là quy mô lớn nên thu hút 5,9 triệu tỷ đồng, chiếm 25%.

*Thứ tư, tổng doanh thu cao nhất trong các loại hình DN.*

Năm 2017, tổng doanh thu của khu vực DN đạt 20,66 triệu tỷ đồng, tăng 18,5% so với năm 2016. Theo loại hình DN, tổng doanh thu của khu vực DN ngoài nhà nước là 11,7 triệu tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2016; khu vực FDI là 5,8 triệu tỷ đồng, tăng 20%; khu vực DNNN là 3,1 triệu tỷ đồng, tăng 9% (Tổng cục Thống kê, 2018).

*Thứ năm, thu hút nhiều lao động nhất.* Tại thời điểm 31/12/2017, tổng số lao động làm việc trong khu vực DN ngoài nhà nước hiện thu hút nhiều lao động nhất với 8,8 triệu lao động, chiếm 60,6% tổng số lao động đang làm việc trong khu vực DN. Đối với thu nhập của người lao động, khu vực DN ngoài nhà nước mặc dù có mức thu nhập của người lao động thấp nhất trong 3 loại hình DN năm 2017, nhưng là khu vực có tốc độ cải thiện thu nhập cho người lao động cao nhất với 7,37 triệu đồng, tăng 15,1% so với năm 2016 (Tổng cục Thống kê, 2018).

**Một số hạn chế**

*Một là, số DN tạm ngừng hoạt động và giải thể vẫn tăng cao.*

Cụ thể, theo Cục Quản lý Đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019), trong năm 2019, số DN đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 28.731, tăng 5,9% so với năm 2018; số DN chờ giải thể là 43.711 DN, tăng 41,7%; số DN hoàn tất thủ tục giải thể trong năm 2019 là 16.840 DN, tăng 3,2% so với năm 2018.

*Hai là, số lượng các DN quy mô nhỏ còn rất lớn.*

Kết quả Tổng điều tra kinh tế 2017 do Tổng cục Thống kê công bố vào tháng 09/2018 cho thấy, số DN có đến thời điểm 01/01/2017 là 517,9 nghìn DN, trong đó tổng số DN thực tế đang hoạt động điều tra được là 505,1 nghìn DN và 12,86 nghìn DN đã đăng ký, nhưng đang đầu tư, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong số DN, có 10,1 nghìn DN lớn, tăng 29,6% (tăng gần 2,3 nghìn DN) so với thời điểm 01/01/2012 và chiếm tỷ lệ khiêm tốn với 1,9%; số DN nhỏ, vừa và siêu nhỏ (gọi chung là DN nhỏ và vừa - DNNVV) là 507,86 nghìn DN, tăng 52,1% (tương đương 174 nghìn DN) so với thời điểm 01/01/2012, chiếm 98,1%; trong đó, DN vừa có gần 8,5 nghìn DN tăng 23,6% (tương đương gần 1,6 nghìn DN), chiếm 1,6%; DN nhỏ là 114,1 nghìn DN, chiếm 22,0%, tăng 21,2% (tương đương gần 20 nghìn DN) và DN siêu nhỏ là 385,3 nghìn DN, chiếm cao nhất với 74,4%, tăng 65,5% (tương đương 152 nghìn DN) (Tổng cục Thống kê, 2018). Đây là một hạn chế khá lớn của bậc tranh DN Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt hiện nay.

*Ba là, hiệu quả hoạt động của DN ngoài nhà nước còn thấp.*

Theo tính toán của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương từ kết quả điều tra DN hàng năm (2011-2016), hệ số vốn - doanh thu thuần của DN ngoài nhà nước ngày càng tăng, hiệu quả sử dụng vốn ngày càng sụt giảm (Bảng).

Nhìn vào Bảng có thể thấy, năm 2011, DN ngoài nhà nước từ 1,37 đồng vốn tạo ra một đồng doanh thu, đến năm 2016, tỷ lệ này tăng lên 1,72 đồng vốn mới tạo ra được một đồng doanh thu. Xét giai đoạn 2011-2016, đã tăng lên một đơn vị doanh thu thuần các DN ngoài nhà nước cần một lượng vốn tăng lên 2,2 đồng. Tuy so sánh với khối DNNN, thì không phải con số cao, chưa đáng báo động, nhưng so sánh với khu vực DN FDI thì hiệu quả sử dụng vốn vẫn còn chưa tốt.

**Nguyên nhân của một số hạn chế**

*Thứ nhất, chi phí về vốn và nhân công của khu vực DN ngoài nhà nước gia tăng.*

Một số DN ngoài nhà nước đang dựa quá nhiều vào nguồn vốn ngắn hạn của ngân hàng và lãi suất thực của vốn vay quá cao trong rương quan so sánh với các nền kinh tế khác đang hạn chế năng lực cạnh tranh của DN ngoài nhà nước. Bên

cạnh đó, nhiều DN ngoài nhà nước vẫn rất khó khăn khi tiếp cận với nguồn vốn tín dụng ngân hàng. Nguyên nhân là do, chưa có sự triển khai đồng bộ và phối hợp chặt chẽ giữa các chương trình hỗ trợ DN của các bộ, ngành, địa phương; một số tổ chức tín dụng còn thiếu kinh nghiệm trong thẩm định phương án sản xuất, kinh doanh của DN, nhất là các DN hoạt động trong lĩnh vực mới, còn nặng về tài sản bảo đảm cho khoản vay. Ngoài ra, việc duy trì và phát triển sản xuất, kinh doanh của DN đã và đang phụ thuộc rất nhiều vào các nguồn vốn vay ngân hàng, tạo ra áp lực cho hệ thống tổ chức tín dụng, trong khi tổ chức tín dụng không có đủ thông tin về DN, không kiểm soát được dòng tiền, dẫn đến tâm lý e dè khi quyết định cho vay các DN. Hơn nữa, chính sách bảo lãnh tín dụng cho DN còn tồn tại nhiều bất cập, chưa phát huy được hiệu quả trong trợ giúp DN tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng.

Ngoài ra, vấn đề tăng lương cơ bản cũng khiến nhiều DN phải “đau đầu” để cân đối các khoản chi phí. Diễn hình như trong ngành dệt may, chi phí sản xuất tăng cao đang là thách thức lớn nhất của ngành dệt may Việt Nam, mà nguyên nhân xuất phát từ chính sách tăng lương tối thiểu, tăng mức đóng bảo hiểm xã hội... Chỉ trong khoảng 5 năm trở lại đây, chi phí tiền lương của các DN dệt may ở Việt Nam đã tăng thêm từ 28%-30%; thêm vào đó giá nguyên liệu tăng cao khiến chi phí sản xuất một số sản phẩm tăng thêm tới 46% (Xuân Anh, Thanh Vũ, 2018). Trong khi đó, giá bán không được phép tăng vì phải cạnh tranh với nhiều quốc gia khác, thậm chí có khách hàng còn yêu cầu phải giảm giá thành mới tiếp tục thị mua.

*Thứ hai, sự phân biệt đối xử DN ngoài nhà nước với DNNN và DN FDI, nạn tham nhũng, các rào cản về thủ tục hành chính.*

Theo Báo cáo điều tra về kết quả thực thi Nghị quyết 19 dưới góc nhìn của DN của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (2018), thì 4 chỉ tiêu môi trường kinh doanh có tỷ lệ DN đánh giá có sự cải thiện tốt hoặc rất tốt (đạt trên 50%), gồm: Thành lập DN; Tiếp cận điện năng; Đăng ký tài sản; Thực thi hợp đồng. Các chỉ số còn lại cải thiện chậm và thấp hơn kỳ vọng của DN (dưới 50%) (Biểu đồ).

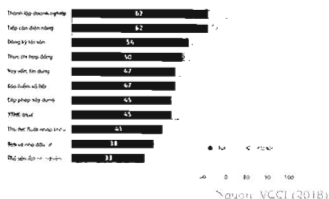
*Thứ ba, vẫn còn rào cản về điều kiện kinh doanh.*

Cải cách các quy định về điều kiện kinh doanh nhằm thúc đẩy cạnh tranh,

**BẢNG: QUAN HỆ VỐN VÀ DOANH THU THUẬN**

Năm	Hệ số vốn sản lượng			
	DNNN	DN ngoài nhà nước	FDI	Cả nước
2011	1,80	1,37	1,17	1,44
2012	1,85	1,37	1,12	1,44
2013	2,07	1,46	1,19	1,54
2014	2,23	1,44	1,14	1,54
2015	2,72	1,46	1,07	1,58
2016	2,91	1,72	1,05	1,73
ICOR	19,3	2,2	1,0	2,14

**BIỂU ĐỒ: TỶ LỆ DN ĐÁNH GIÁ CÓ SỰ CẢI THIỆN HOẶC RẤT TỐT CÁC LĨNH VỰC CỦA NGHỊ QUYẾT 19**



khuyến khích phát triển DN là trọng tâm của Chính phủ trong những năm gần đây. Tuy nhiên, nếu trong năm 2018, việc cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh được ví như những “đợt sóng lớn”, mạnh mẽ thì đến năm 2019, hoạt động này chỉ là những “gợn sóng nhỏ”. Theo báo cáo “Đồng chảy pháp luật kinh doanh năm 2019” của VCCI (2019), tính đến tháng 11/2019, VCCI chỉ nhận được hai đề nghị góp ý của hai bộ đối với dự thảo nghị định sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực do bộ quản lý, do là Bộ Công Thương và Bộ Y tế. Tuy nhiên, các quy định sửa đổi chỉ mang tính hình thức.

Đối với Bộ Công Thương, dự thảo nghị định của Bộ đã bãi bỏ, đơn giản hóa khá nhiều điều kiện kinh doanh. Tuy nhiên, một số quy định sửa đổi điều kiện kinh doanh trong dự thảo vẫn còn hình thức, chẳng hạn: có điều khoản được sửa đổi hay bãi bỏ nhưng không làm thay đổi bản chất của quy định; có điều kiện được sửa đổi nhưng chưa triệt để.

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Để thúc đẩy DN ngoài nhà nước phát triển trong bối cảnh hiện nay, theo chúng tôi, cần thực hiện có hiệu quả một số giải pháp sau:

*Thứ nhất, rà soát, bổ sung và hoàn thiện thể chế, khẩn trương cắt giảm thực chất điều kiện kinh doanh đang là rào cản đối với hoạt động của DN và cơ sở kinh doanh cá thể.*

Theo đó, Chính phủ phải đánh giá đầy đủ, chính xác trách nhiệm, hiệu quả của các bộ, ngành và địa phương trong việc triển khai các nghị quyết của Chính

phù về phát triển DN thông qua một ban chuyên trách giúp Chính phủ theo dõi, đánh giá kết quả và hiệu quả triển khai các nghị quyết của Chính phủ về phát triển DN đối với các bộ, ngành và các địa phương. Cơ quan chuyên trách cần xây dựng được bộ công cụ (bộ chỉ số đúng hạn) để tính toán, đo lường, lượng hóa chính xác nhằm đánh giá, xếp hạng thường xuyên, định kỳ rồi công bố công khai mức độ hỗ trợ và phát triển DN đối với các bộ, ngành và các địa phương. Phải xác định mục tiêu là lấy sự hài lòng của DN làm thước đo hiệu quả hoạt động của cơ quan chức năng, đến từng cán bộ cụ thể. Đặc biệt, cần có chế tài, quy định hợp lý và chặt chẽ để xử lý những đơn vị, cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ; thậm chí là tình trạng gây trở ngại hoặc có biểu hiện tham nhũng trong quá trình tiếp xúc, giải quyết nhu cầu chính đáng của DN.

*Thứ hai, đẩy mạnh cải cách hành chính, thực thi hiệu quả thủ tục một cửa.* Khi đó, sẽ tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho DN thành lập và phát triển, đồng thời cũng rà soát các thủ tục liên quan đến giải thể, phá sản DN bảo đảm nhanh và hiệu quả. Ngoài ra, Chính phủ cần có chính sách và giải pháp phù hợp để khuyến khích các cơ sở kinh doanh cá thể chuyển thành DN; tạo dựng điều kiện kinh doanh thuận lợi cho các cơ sở cá thể kinh doanh ổn định, tuân thủ pháp luật và lâu dài.

*Thứ ba, xây dựng khuôn khổ chính sách.* Theo đó, chính sách phải được tạo dựng theo hướng tạo điều kiện cho DN nhỏ và vừa tiếp cận các nguồn lực, đất đai, tín dụng và đặc biệt là tiếp cận thị trường, trước mắt là tiếp cận với các dự án đầu tư công và mua sắm công.

*Thứ tư, tạo điều kiện thuận lợi cho DN ngoài nhà nước tiếp cận nguồn vốn tín dụng.* Cụ thể cần:

(i) Điều hành chính sách tiền tệ - tín dụng chủ động, linh hoạt và đồng bộ nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh cho DN ngoài nhà nước.

(ii) Xác định DN ngoài nhà nước là một trong năm lĩnh vực ưu tiên, chỉ đạo các tổ chức tín dụng tập trung vốn cho vay, quy định trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND đối với lĩnh vực này thấp hơn từ

1%-1,5%/năm so với các lĩnh vực thông thường khác.

(iii) Hoàn thiện khung khổ pháp lý về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng theo hướng tăng cường thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm của tổ chức tín dụng trong việc cho vay đối với DN ngoài nhà nước.

(iv) Triển khai các chương trình, chính sách tín dụng đặc thù hỗ trợ DN ngoài nhà nước tiếp cận vốn trong một số ngành/lĩnh vực; phối hợp với các bộ, ngành liên quan hoàn thiện cơ chế hỗ trợ DN ngoài nhà nước, tích cực triển khai Luật Hỗ trợ DNNVV.

*Thứ năm, hoàn thiện chính sách ưu đãi đầu tư.* Theo đó, cần khuyến khích các mối liên kết thực chất hơn giữa các DN trong nước và DN FDI, giữa các DN lớn và DNNVV. Theo đó, Chính phủ cần xây dựng chính sách khuyến khích liên kết giữa DN FDI với DN trong nước, trên cơ sở đó hình thành hệ thống giải pháp đồng bộ để phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao trình độ công nghệ, nguồn nhân lực, quản trị DN nhằm tăng nhanh tỷ lệ nội địa hóa và giá trị gia tăng của sản phẩm. Trên cơ sở đó, cần rà soát các quyết định có liên quan, sửa đổi, bổ sung những nội dung cần thiết để thúc đẩy việc mở rộng mối liên kết.

*Thứ sáu, nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực DN trong nước.* Cụ thể: thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó tập trung trước mắt vào đầu tư xây dựng hạ tầng góp phần giảm chi phí cho DN; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hình thành các trung tâm nghiên cứu và đổi mới sáng tạo để chuyển giao công nghệ cho khu vực DN. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Quản lý Đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019). *Báo cáo tình hình đăng ký DN năm 2019*
2. CIEM (2012-2017). *Báo cáo kết quả điều tra DN từ năm 2011-2016*
3. Tổng cục Thống kê (2018). *Báo cáo Bộ chỉ tiêu chủ yếu đánh giá mức độ phát triển DN cả nước và các địa phương năm 2017 và giai đoạn 2010-2017*, ngày 13/10/2018
4. Tổng cục Thống kê (2018). *Tổng điều tra kinh tế 2017*. Nxb Thống kê
5. Tổng cục Thống kê (2015). *Danh mục hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia*
6. VCCI (2018). *Báo cáo điều tra của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về kết quả thực thi Nghị quyết 19 dưới góc nhìn của DN*
7. VCCI (2019). *Báo cáo "Đòng chảy pháp luật kinh doanh năm 2019"*
8. Xuân Anh, Thanh Vũ (2018). *Tăng lương tối thiểu vùng năm 2019: Bài 1 - Người lao động và doanh nghiệp cùng kêu khó*, truy cập từ <https://bnews.vn/tang-luong-toi-thieu-vung-nam-2019-bai-1-nguoi-lao-dong-va-doanh-nghiep-cung-keu-kho/92495.html>